

BỘ ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 MÔN VẬT LÝ LỚP 6 2020 SỐ 1:**I/ TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

Hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1 : Đơn vị đo thể tích chất lỏng là

- A. m
- B. m³
- C. m²
- D. g

Câu 2 : Để đo thể tích của vật rắn không thấm nước ta thường sử dụng dụng cụ.....

- A. Bình chứa
- B. Bình chia độ
- C. Bình tràn
- D. Cả B và C

Câu 3 : Đơn vị chính để đo khối lượng là:

- A. Mét khối (m³)
- B. Lít (l)
- C. Kilogam (kg)
- D. Mét (m).

Câu 4 : Hãy tính 200g ứng với bao nhiêu Niuton ...

- A. 4N
- B. 3N
- C. 0,2N
- D. 2N

Câu 5 : Hãy xác định xem cách đổi nào sau đây là sai

- A. $1 \text{ kg} = 1000\text{g}$
- B. $1 \text{ tấn} = 1000\text{kg}$
- C. $1 \text{ tạ} = 10\text{kg}$
- D. $1\text{mg} = 0,001 \text{ g}$

Câu 6 : Trọng lực là.....của trái đất

- A. lực hút
- B. lực đẩy
- C. lực kéo
- D. lực ép

Câu 7 : Giới hạn đo của thước là gì?

- A. Độ dài giữa 2 vạch chia liên tiếp trên thước.
- B. Độ dài lớn nhất ghi trên thước.
- C. Số ghi ở giữa thước.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 8 : Trên một hộp mứt tết có ghi 250g, số đó chỉ điều gì?

- A. Sức nặng của hộp mứt.
- B. Thể tích của hộp mứt.
- C. Khối lượng của mứt chứa trong hộp
- D. Cả A, B và C đều đúng

II/ TỰ LUẬN (6 điểm)

Bài 1 : (2 điểm)

a/ Hãy cho biết phương và chiều của trọng lực?

b/ Hãy cho biết trọng lượng của quả cân 4kg là bao nhiêu niuton?

Bài 2 : (1 điểm) Thế nào là hai lực cân bằng?

Bài 3 : (3 điểm) Thực hiện đổi:

a. 2000g =Kg

2 tấn =Kg

b. 2l =dm³=cm³

2000 l=m³

Đáp án và Hướng dẫn làm bài

I. Trắc nghiệm

Câu 1 : B

Câu 2 : D

Câu 3 : C

Câu 4 : D

Câu 5 : C

Câu 6 : A

Câu 7 : B

Câu 8 : C

II. Tự luận

Bài 1 :

a. Trọng lượng có phương: thẳng đứng

chiều: từ trên xuống dưới

b. Trọng lượng của quả cân 4kg là 40 N

Bài 2 : Hai lực cân bằng là hai lực mạnh như nhau, có cùng phương nhưng ngược chiều, tác dụng vào cùng một vật

Bài 3 :

a. $2000\text{g} = 2\text{kg}$

2 tấn = 2000 kg

b. $2\text{ l} = 2\text{ dm}^3 = 2000\text{ cm}^3$

$2000\text{l} = 2\text{ m}^3$

BỘ ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 MÔN VẬT LÝ LỚP 6 2020 SỐ 2:**I. Trắc nghiệm**

Câu 1 : Ba khối kim loại: 1kg đồng, 1kg sắt và 1kg nhôm. Khối nào có trọng lượng lớn nhất?

- A. Khối đồng.
- B. Khối sắt.
- C. Khối nhôm.
- D. Ba khối có trọng lượng bằng nhau.

Câu 2 : Để đo thể tích của một hòn sỏi ta dùng dụng cụ nào ?

- A. Cân đồng hồ.
- B. Thước thẳng.
- C. Thước dây
- D. Bình chia độ.

Câu 3 : Hãy chọn câu trả lời đúng:

Một quyển sách có 200 trang dày 2,0cm. Độ dày của mỗi tờ giấy là:

- A. 0,01cm
- B. 0,02cm
- C. 0,10mm
- D. 0,02mm.

Câu 4 : Đơn vị đo độ dài hợp pháp của nước Việt Nam là:

- A. Ki-lô-gam (kg).
- B. Mét (m)
- C. Xen-ti-mét khối (cm³)

D. Niu-ton(N).

Câu 5 : Khi đo chiều dài của một tờ giấy, ba bạn cùng dùng một thước nhưng lại thu được các kết quả khác nhau là: 25cm, 24,9cm, 25,1cm.

Thước đo đó có ĐCNN là:

- A. 1mm
- B. 0,5 cm
- C. 1cm
- D. 5mm

Câu 6 : Trọng lực là

- A. lực đẩy của vật tác dụng lên Trái Đất
- B. lực hút giữa vật này tác dụng lên vật kia.
- C. lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.
- D. lực đẩy của Trái Đất tác dụng lên vật.

Câu 7 : Đầu một cái cầu có gắn biển báo giao thông hình tròn, viền đỏ, nền trắng, chữ đen ghi 10T. Ý nghĩa của biển đó là gì?

- A. Khối lượng của cầu là 10 tấn.
- B. Trọng lượng của cầu là 10 tấn.
- C. Xe có khối lượng trên 10 tấn không được đi qua cầu.
- D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 8 : Để đo chiều dài và chu vi miệng của một cái cốc ta nên dùng thước nào?

- A. Thước thẳng
- B. Thước dây
- C. Cả 2 thước đều được.
- D. Cả 2 thước đều không được.

II. Tự luận (6 điểm)**Bài 1 :** (2 điểm)

Đổi đơn vị cho các đại lượng sau: (1đ) (Học sinh điền kết quả vào chỗ)

a. $352\text{g} = \dots\dots\dots \text{kg} = \dots\dots\dots\text{mg}$.

b. $570\text{ ml} = \dots\dots\dots\text{cm}^3 = \dots\dots\dots\text{dm}^3$

Bài 2 : (2 điểm) Lực tác dụng lên vật có thể gây ra kết quả gì? Nêu ví dụ minh họa (1đ)

Bài 3 : (2 điểm) Một bình chia độ có thể tích nước trong bình là 118cm^3 . Khi thả chìm quả cầu bằng kim loại có khối lượng $0,18\text{kg}$ vào thì nước trong bình dâng lên 145cm^3 . Vậy thể tích của quả cầu là bao nhiêu? Trọng lượng quả cầu là bao nhiêu? (1đ)

Đáp án và Hướng dẫn làm bài**I. Trắc nghiệm**

Câu 1 : D

Câu 2 : D

Câu 3 : A

Câu 4 : B

Câu 5 : A

Câu 6 : C

Câu 7 : C

Câu 8 : B

II. Tự luận**Bài 1 :**

a. $352\text{g} = 0.352\text{ kg} = 352000\text{ mg}$

b. $570\text{ ml} = 570\text{ cm}^3 = 0,57\text{ dm}^3$

Bài 2 :

Lực tác dụng lên một vật có thể làm biến đổi chuyển động của vật đó hoặc làm nó biến dạng

Ví dụ:

- Quả bóng đang nằm yên trên sân thì bị cầu thủ đá vào bay lên cao
- Một xạ thủ đang giương cung bắn vào mục tiêu

Bài 3 :

Thể tích của quả cầu là:

$$V_{\text{vật}} = V_{\text{đang}} - V_{\text{nước}} = 145 - 118 = 27 \text{ cm}^3$$

Trọng lượng của quả cầu là:

$$P = 10 \cdot M = 10 \cdot 0,18 = 1,8 \text{ (N)}$$

BỘ ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 MÔN VẬT LÝ LỚP 6 2020 SỐ 3**I. Trắc nghiệm**

Câu 1 : Độ chia nhỏ nhất của một thước là:

- A. số nhỏ nhất ghi trên thước.
- B. độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp ghi trên thước.
- C. độ dài giữa hai vạch dài, giữa chúng còn có các vạch ngắn hơn.
- D. độ lớn nhất ghi trên thước.

Câu 2 : Trên một hộp sữa tươi có ghi 200 ml. Con số đó cho biết:

- A. Thể tích của hộp sữa là 200 ml.
- B. Thể tích sữa trong hộp là 200 ml
- C. Khối lượng của hộp sữa
- D. Khối lượng sữa trong hộp

Câu 3 : Chiếc bàn học nằm yên trên sàn vì

- A. không chịu tác dụng của lực nào.
- B. chỉ chịu lực nâng của sàn.
- C. chịu hai lực cân bằng: Lực nâng của sàn và lực hút của Trái Đất.
- D. chỉ chịu lực hút của Trái Đất.

Câu 4 : Dụng cụ nào sau đây dùng để đo lực?

- A. Cân Rô – béc – van
- B. Lực kế
- C. Nhiệt kế
- D. Thước

Câu 5 : Trong các chuyển động sau, chuyển động nào đã bị biến đổi?

- A. Một chiếc xe đạp đang đi, bỗng hãm phanh, xe dừng lại.
- B. Một máy bay đang bay thẳng với vận tốc không đổi 500 km/h.
- C. Một chiếc xe máy đang chạy với tốc độ đều đặn.
- D. Quả bóng đang nằm yên trên mặt đất.

Câu 6 : Nếu so sánh một quả cân 1 kg và một tập giấy 1 kg thì:

- A. tập giấy có khối lượng lớn hơn.
- B. quả cân có trọng lượng lớn hơn.
- C. quả cân và tập giấy có trọng lượng bằng nhau.
- D. quả cân và tập giấy có thể tích bằng nhau.

Câu 7 : Chỉ có thể nói trọng lực của vật nào sau đây?

- A. Trái Đất
- B. Mặt Trăng
- C. Mặt Trời
- D. Hòn đá trên mặt đất

Câu 8 : Đơn vị trọng lượng là gì?

- A. N
- B. N.m
- C. N.m²
- D. N/m³

II. Tự luận

Bài 1 (2 điểm) : Người ta dùng một bình chia độ, ban đầu chứa 15cm³nước để đo thể tích của một hòn đá. Khi thả hòn đá vào bình, mực nước trong bình dâng lên đến vạch 40cm³. Hãy tính thể tích của hòn đá đó.

Bài 2 (2 điểm) :

a/ 45kg =.....g

b/ Trọng lượng vật 200g là bao nhiêu niuton?

Bài 3 (2 điểm) : Hãy nêu cách đo độ dài của vật?

Đáp án và Hướng dẫn làm bài

I. Trắc nghiệm

Câu 1 : B

Câu 2 : B

Câu 3 : C

Câu 4 : B

Câu 5 : A

Câu 6 : C

Câu 7 : D

Câu 8 : A

II. Tự luận

Bài 1 :

$$V_1 = 15cm^3$$

$$V_2 = 40cm^3$$

Tóm tắt : $V = ?cm^3$

Thể tích của vật là:

$$V = V_2 - V_1 = 40 - 15 = 25 \text{ cm}^3$$

Bài 2 :

a. $45 \text{ kg} = 45000\text{g}$

b. Trọng lượng vật 200g là 2N

Bài 3 :

Cách đo độ dài:

- Ước lượng độ dài cần đo để chọn thước đo thích hợp
- Đặt thước và mắt nhìn đúng cách
- Đọc, ghi kết quả đo đúng qui định

BỘ ĐỀ THI GIỮA KÌ 1 MÔN VẬT LÝ LỚP 6 2020 SỐ 4:**I. Trắc nghiệm**

Câu 1 : Trên một cái thước có số đo lớn nhất là 30, số nhỏ nhất là 0, đơn vị là cm. Từ vạch số 0 đến vạch số 1 được chia làm 10 khoảng bằng nhau. Vậy GHĐ và ĐCNN của thước là:

- A. GHĐ 30 cm, ĐCNN 1 cm
- B. GHĐ 30 cm, ĐCNN 1 mm
- C. GHĐ 30 cm, ĐCNN 0,1 mm
- D. GHĐ 1 mm, ĐCNN 30 cm

Câu 2 : Thuật ngữ “Tivi 21 inches” để chỉ:

- A. Chiều dài của màn hình tivi.
- B. Đường chéo của màn hình tivi.
- C. Chiều rộng của màn hình tivi.
- D. Chiều rộng của cái tivi.

Câu 3 : Khi đo thể tích chất lỏng cần:

- A. Đặt bình chia độ nằm ngang.
- B. Đặt mắt nhìn ngang với độ cao mực chất lỏng trong bình.
- C. Đặt mắt nhìn xiên với độ cao mực chất lỏng trong bình.
- D. Đặt mắt nhìn vuông góc với độ cao mực chất lỏng trong bình.

Câu 4 : Để đo thể tích của vật rắn không thấm nước và có thể chìm hoàn toàn trong nước chỉ cần

- A. một bình chia độ bất kì.
- B. một bình tràn.

C. một bình chia độ có kích thước sao cho vật rắn có thể bỏ lọt vào bình.

D. một ca đong.

Câu 5 : Khi đo khối lượng của một vật bằng một cái cân có ĐCNN là 10g. Kết quả nào sau đây là đúng?

A. 298 g

B. 302 g

C. 3000 g

D. 305 g

Câu 6 : Hoạt động nào dưới đây không cần dùng đến lực?

A. Đọc một trang sách

B. Xách một xô nước

C. Nâng một tấm gỗ

D. Đẩy một chiếc xe

Câu 7 : Cặp lực nào không cân bằng trong các cặp lực sau?

A. Lực của mặt nước và lực hút của Trái Đất tác dụng vào thuyền để thuyền đứng yên trên mặt nước.

B. Lực của hai em bé kéo hai đầu sợi dây khi sợi dây đứng yên.

C. Lực mà lò xo tác dụng vào vật và lực mà vật tác dụng vào lò xo.

D. Lực nâng của sàn và lực hút của Trái Đất tác dụng vào bàn

Câu 8 : Khi chịu tác dụng của lực, vật vừa bị biến dạng, vừa đổi hướng chuyển động. Trường hợp nào sau đây thể hiện điều đó:

A. Khi có gió thổi cành cây đu đưa qua lại.

B. Khi đập mạnh quả bóng vào tường quả bóng bật trở lại.

- C. Khi xoay tay lái ô tô đổi hướng chuyển động.
- D. Khi có gió thổi hạt mưa bay theo phương xiên.

II. Tự luận

Bài 1 (2 điểm) : Người ta muốn chứa 6 lít nước bằng các can nhỏ có ghi 1,5 lít

- a. Số ghi trên can có ý nghĩa gì?
- b. Phải dùng ít nhất bao nhiêu can?

Bài 2 (2 điểm) : Nêu cách đo thể tích vật rắn không thấm nước?

Bài 3 : Trọng lực là gì? Hãy nêu đặc điểm của trọng lực?

Đáp án và Hướng dẫn làm bài

I. Trắc nghiệm

Câu 1 : B

Câu 2 : B

Câu 3 : D

Câu 4 : C

Câu 5 : C

Câu 6 : A

Câu 7 : C

Câu 8 : B

II. Tự luận

Bài 1 :

- a. Can chứa được 1,5 lít chất lỏng

b. Phải dùng ít nhất số can là: $\frac{6}{1,5} = 4$ can

Bài 2 :

- Đối với vật rắn bỏ lọt bình chia độ:

Thả chìm vật đó vào chất lỏng đng trong bình chia độ. Thể tích của phần chất lỏng dâng lên bằng thể tích của vật

- Đối với vật rắn không bỏ lọt bình chia độ:

Thả vật đó vào trong bình tràn. Thể tích của phần chất lỏng tràn ra bằng thể tích của vật

Bài 3 :

- Trọng lực là lực hút của Trái Đất. Đơn vị là Niuton (N)

- Đặc điểm của trọng lực:

+ Phương: thẳng đứng

+ Chiều: hướng về phía Trái Đất

+ Độ lớn: cường độ của trọng lực tác dụng lên vật đó